

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-PT

Ngày 25 / 8 / 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân  
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Anh Trang

*Các Thẩm phán:* Bà Ngô Thị Trang và ông Võ Minh Công

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:** Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Anh D - sinh năm 1983 ( có mặt).

Địa chỉ: Số 1646A đường Võ Văn K, phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q – sinh năm 1974 ( có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Võ Anh D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa Nguyên đơn ông Võ Anh D trình bày:*

Ngày 12/02/2018, ông có cho ông Nguyễn Văn Q vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), có lập “giấy cho vay tiền” viết tay. Theo đó, hai bên thỏa thuận thời hạn vay tiền 03 tháng (từ 12/02/2018 đến 12/5/2018), lãi suất 1%/tháng (tương đương 2.000.000/tháng); phương thức thanh toán chuyển khoản

hoặc thanh toán tiền mặt. Nhưng đến thời hạn trả nợ gốc ngày 12/5/2018, ông Q không thanh toán được tiền gốc và lãi nên cả hai cùng thỏa thuận ông Q tiếp tục vay 200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng cho tới khi có tiền trả, không thỏa thuận thời điểm trả nợ gốc. Tuy nhiên, ông Q chỉ trả lãi suất 3%/tháng đến hết tháng 12 năm 2018, sau đó ông Q không tiếp tục trả lãi. Số tiền ông Q đã trả lãi: 03 tháng (tháng 3, 4, 5/ 2018) lãi suất 1%/tháng là 6.000.000 đồng; từ tháng 6/2018 đến tháng 12/2018, lãi suất 3%/tháng là 42.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền lãi ông Q đã trả là 48.000.000 đồng. Do ông Q đã thanh toán tiền lãi đến hết tháng 12/2018 nên ông chỉ yêu cầu tính lãi từ tháng 01/2019 đối với khoản nợ vay.

Tháng 7 năm 2019, hai bên gặp nhau thỏa thuận ông Q sẽ không phải trả lãi đối với khoản tiền vay nhưng phải trả đủ tiền gốc mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền gốc 200.000.000 đồng.

Theo đó, tháng 7 năm 2019, ông Q đã trả 15.000.000 đồng

Tháng 8 năm 2019, ông Q đã trả 10.000.000 đồng

Tháng 9, 10, 11 năm 2019, ông Q không trả tiền.

Tháng 12 năm 2019, ông Q trả 30.000.000 đồng.

Từ tháng 01 năm 2020 đến nay, ông Q không trả thêm khoản nào khác.

Do ông Q không thực hiện đúng cam kết nên ông D khởi kiện yêu cầu ông Quang phải trả đúng số nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi phát sinh trong hạn từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019 là 1,67%/tháng; lãi suất quá hạn từ tháng 8 năm 2019 đến khi xét xử sơ thẩm lãi suất 2,5%/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Anh D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị ông Nguyễn Văn Q phải trả tổng số tiền là 284.594.660 đồng (Hai trăm tám mươi bốn triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm sáu mươi đồng) gồm:

Số tiền nợ gốc: 164.982.412 đồng.

Tiền lãi từ tháng 01/2020 đến tháng 5/2022 là:

$164.982.412 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng (lãi trong hạn)} \times 0,83\%/\text{tháng (lãi quá hạn)} \times 29 \text{ tháng} = 119.612.248 \text{ đồng}.$

Số tiền ông D yêu cầu ông Q phải thanh toán tạm tính đến tháng 5/2022 là 284.594.660 đồng (Hai trăm tám mươi bốn triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm sáu mươi đồng).

*Quá trình tố tụng và tại phiên tòa Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:*

Ông xác nhận có vay của ông Võ Anh D số tiền 200.000.000 đồng và có ký trong “giấy cho vay tiền” ngày 12/02/2018 do ông D cung cấp. Ông không để ý phần lãi suất ghi là 1% hay 3% ... nhưng thực tế ông thanh toán lãi 3%/ tháng. Thời hạn vay theo giấy cho vay tiền hai bên thỏa thuận là 03 tháng (từ 12/02/2018 đến 12/5/2018). Ông đã trả đủ lãi suất cho ông D lãi suất 03 tháng là 18.000.000 đồng, tuy nhiên đến hạn trả nợ ngày 12/5/2018 ông không có khả

năng trả gốc nên hai bên thỏa thuận ông tiếp tục vay ông D số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, không xác định thời hạn trả nợ gốc, khi nào ông Quang có đủ tiền sẽ thanh toán khoản nợ gốc. Ông Q có thanh toán lãi đến tháng 3 năm 2019, lãi suất 3%/tháng. Các lần thanh toán thì chuyển khoản hoặc trả bằng tiền mặt nhưng không có biên bản giao nhận tiền và ông cũng không lưu lại biên lai chuyển khoản nên không có chứng từ cung cấp cho Tòa án.

Do kinh tế gặp khó khăn nên ông không thể trả lãi cho ông D theo hợp đồng (từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2019). Tháng 7 năm 2019, ông và ông D có gặp nhau thỏa thuận ông D không tính lãi đối với số tiền vay, ông phải có nghĩa vụ trả lại cho ông D số tiền gốc mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ gốc. Ông đã thanh toán được số nợ gốc như sau:

Tháng 7 năm 2019, ông trả được 15.000.000 đồng

Tháng 8 năm 2019, ông trả được 10.000.000 đồng

Tháng 9, 10, 11 năm 2019 ông không trả được đồng nào.

Tháng 12 năm 2019, ông trả được 30.000.000 đồng.

Từ tháng 01 năm 2020, ông có yêu cầu được trả 5.000.000 đồng/tháng do việc kinh doanh gặp khó khăn, không có khả năng trả 15.000.000 đồng/tháng theo thỏa thuận nhưng ông D không đồng ý nên ông không thanh toán cho ông D thêm khoản tiền nào khác.

Nay ông D yêu cầu trả 284.594.660 đồng thì ông không đồng ý. Ông đã thanh toán được 55.000.000 đồng nợ gốc theo thỏa thuận. Do tình hình Covid 19 nên kinh tế gặp rất nhiều khó khăn, ông yêu cầu chỉ trả tiền nợ gốc còn lại và đề nghị được miễn lãi. Trong trường hợp ông D không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398, Điều 463, 466, 468, 469 và Điều 470 của [Bộ luật dân sự năm 2015](#);

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của [Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Anh Di đối với ông Nguyễn Văn Q.

2. Xác nhận ông Nguyễn Văn Q còn nợ và buộc ông Nguyễn Văn Q phải trả cho ông Võ Anh D số tiền: 173.709.625 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm lẻ chín ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng); trong đó, nợ gốc: 125.373.634 đồng; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn 30.298.628 đồng; Lãi trong hạn 18.037.363 đồng;

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, nguyên đơn ông Võ Anh D kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Xem xét, đánh giá tình trạng hợp đồng vay tiền trước đó vào tháng 07/2019 là hợp pháp; Tính lại lãi và lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 trong các khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2020 và từ tháng 01/2021 đến tháng 5/2022; Tính lại số tiền gốc tại thời điểm hiện tại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo và có thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo buộc ông Q phải trả số tiền gốc 152.297.798 đồng và lãi quá hạn 28 tháng ( từ tháng 02/2020 đến tháng 5/2022) là 106.608.458 đồng, tổng cộng số tiền 258.906.257 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Việc áp dụng lãi suất 20%/ năm và trừ đi khoản tiền lãi vượt quá vào vốn vay và xác định đến tháng 12/2018 số tiền nợ gốc của bị đơn còn lại là 180.373.634 đồng và tính tiền lãi từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2019 là có cơ sở. Từ tháng 7/2019 giữa hai bên thỏa thuận không tính lãi chỉ hoàn vốn 15.000.000đồng/ tháng cho đến khi trả xong nợ gốc. Tuy nhiên ông Q chỉ thanh toán được 55.000.000đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã trừ vào vốn gốc là có cơ sở. Ông D kháng cáo cho rằng ông Q không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết nên phải chịu lãi đối với số tiền vốn và lãi của việc chậm thực hiện nghĩa vụ ở giai đoạn từ tháng 01/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm tháng 5/2022. Tuy nhiên ông D không cung cấp được chứng cứ chứng minh rằng có sự thỏa thuận này, do đó không chấp nhận kháng cáo của ông D. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ, đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa ông Võ Anh D thay đổi một phần nội dung kháng cáo, việc thay đổi nội dung kháng cáo của nguyên đơn không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, căn cứ khoản 2 điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng cáo.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật: *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* và thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm là đúng quy định theo khoản 3 điều 26, điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Anh D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giấy vay tiền lập ngày 12/02/2018 giữa ông Võ Anh D và ông Nguyễn Văn Q thể hiện số tiền vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay tiền 03 tháng (từ 12/02/2018 đến 12/5/2018), lãi suất 1%/tháng. Cả hai bên đã thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi và không tranh chấp về số tiền cho vay, thời hạn cũng như số tiền lãi đã trả.

Quá trình tố tụng, ông Q và ông D đều thừa nhận khi hết hạn hợp đồng vay 03 tháng, ông Q chưa có khả năng trả nợ gốc nên cả hai bên cùng thỏa thuận miệng không lập thành văn bản về việc gia hạn hợp đồng vay, với nội dung: *“Ông Q vay 200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng cho tới khi có tiền trả, không quy định thời điểm trả nợ gốc”*, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Như vậy, từ tháng 6 năm 2018 hợp đồng vay giữa ông D và ông Q đã chuyển thành hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi theo Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Ông D xác định đã nhận đủ tiền lãi 3%/tháng từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018, tức 07 tháng tiền lãi với số tiền là 42.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực...”*. Mặt khác, tại Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt*

*quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay”.*

Như vậy, thỏa thuận lãi suất giữa ông Võ Anh D và ông Nguyễn Văn Q là 3%/tháng (tương đương 36%/năm) là vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm), số tiền lãi ông Nguyễn Văn Q đã thanh toán vượt quá sẽ được trừ vào số vốn gốc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tính trừ số tiền lãi 19.626.366 đồng trả vượt so với quy định từ tháng 6/2018 đến tháng 12/2018 vào số tiền gốc đồng thời xác định ông Q còn nợ ông D tại thời điểm tháng 12/2018 là 180.373.634 đồng và lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2019 là 18.037.363 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Cả hai bên ông Q và ông D cũng thừa nhận đến tháng 7/ 2019 có thỏa thuận miệng về việc hoàn trả vốn vay với nội dung: “từ tháng 7 năm 2019, ông Q không phải thanh toán lãi suất của khoản tiền vay nhưng phải trả số tiền gốc 15.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ gốc”. Theo đó, ông Q đã thanh toán đến tháng 12/2019 được tổng cộng là 55.000.000 đồng (bao gồm: Tháng 7/2019 thanh toán 15.000.000 đồng; tháng 8/2019 thanh toán 10.000.000 đồng; tháng 12/2019 thanh toán 30.000.000 đồng). Ông Võ Anh D cho rằng ông Nguyễn Văn Q đã không thực hiện thanh toán đúng theo thỏa thuận nên yêu cầu được tính lại lãi vay là không có căn cứ chấp nhận. Nội dung tin nhắn chat Zalo, việc tính lãi tiếp tục theo như tin nhắn chỉ là một phía đưa ra mà không có sự đồng ý từ cả 2 bên trong giao dịch nên không thể buộc các bên phải thực hiện. Đồng thời bản photo không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ của tin nhắn do đó không có cơ sở xác định giá trị của chứng cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định số tiền nợ gốc tại thời điểm tháng 7 năm 2019 ông Q còn nợ ông D là 125.373.634 đồng (sau khi trừ 55.000.000 đồng ông Q đã thanh toán) là đúng quy định pháp luật.

Tại điều 353 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Chậm thực hiện nghĩa vụ là nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần khi thời hạn thực hiện nghĩa vụ đã hết”, do vậy từ tháng 01/2020 ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và các bên không thỏa thuận lãi suất nên cần xác định lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ 10%/ năm theo quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự. Tòa án sơ thẩm xác định thời điểm này vẫn là hợp đồng vay có kỳ hạn không lãi suất là không chính xác nên cần rút kinh nghiệm.

Tiền lãi chậm trả từ tháng 01 năm 2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (tháng 5/2022) = 125.373.634 đồng x 10%/12 tháng x 29 tháng = 30.298.628 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông Nguyễn Văn Q phải trả cho ông Võ Anh D là 125.373.634 đồng + 18.037.363 đồng + 30.298.628 đồng = 173.710.000 đồng (làm tròn số).

Hợp đồng vay tiền chỉ có chữ ký của ông Q và thỏa thuận vay lại cũng chỉ có ông Q và ông D tham gia giao kết. Ông D không chứng minh được quan hệ hôn nhân cũng như việc ông Q sử dụng số tiền vay phục vụ chung cho gia đình, do đó không thuộc một trong các điều kiện phát sinh nghĩa vụ chung về tài sản theo quy định tại điều 37 Luật Hôn nhân gia đình. Đồng thời khi khởi kiện và tại phiên tòa ông D chỉ yêu cầu một mình ông Q trả nợ, vì vậy Tòa án sơ thẩm chỉ buộc ông Q có nghĩa vụ trả nợ cho ông D là có căn cứ.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí:

-Án phí dân sự sơ thẩm:

Do nguyên đơn thay đổi một phần nội dung kháng cáo nên số tiền án phí cần sửa lại cho phù hợp. Nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận ( 85.196.632 đồng).

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng đối với số tiền thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ( 173.710.000 đồng).

-Án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông Võ Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 353, 357, 463, 468, 469 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Anh D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể như sau:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Anh D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn Q phải có nghĩa vụ phải trả cho ông Võ Anh D số tiền 173.710.000 đồng (*Một trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm mười ngàn đồng*), trong đó: tiền nợ gốc 125.373.634 đồng, tiền nợ lãi 48.335.991 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

## 2.Về án phí:

-Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 8.686.000 đồng (*Tám triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Anh D phải chịu 4.260.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.503.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm lẻ ba ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo biên lai thu số 0023377 ngày 10 tháng 3 năm 2021. Hoàn lại cho ông Võ Anh D số tiền chênh lệch 2.243.000 đồng (*Hai triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng*).

-Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Anh D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004253 ngày 23/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 25/8/2022).

Nơi nhận:

- Đường sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND Tp Phan Rang - TC(1);
- Chi cục THADS Tp Phan Rang
- TC(1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Anh Trang**